TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1995; ĐKHKTT: thôn Ô, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: khu I, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1987; ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Ô, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N ngày 07/01/2013; Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại thôn Ô, xã H, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, bên cạnh đó anh T là người nóng tính, chơi bời cờ bạc, rượu bia, mỗi khi say về nhà hay chửi bới xúc phạm chị cũng như gia đình bên vợ, do nhiều lần bị anh T chửi bới, xúc phạm và đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 7/10/2018 đến nay, vợ chồng ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị A đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách chị A còn trẻ, không chín chắn, không làm chủ được bản thân, hay nghe theo bố mẹ đẻ, mỗi lần vợ chồng cãi nhau, chị A tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không xin phép ai, đã nhiều lần chị A bỏ về, sau đó anh phải sang tìm và phải chấp nhận mọi điều kiện của nhà chị A đưa ra thì chị ấy mới quay về đoàn tụ. Bản thân bố mẹ chị A cũng đồng tình với suy nghĩ và hành động của chị ấy, không tham gia, bảo ban, đóng góp những sai trái của chị A. Từ đầu tháng 10/2018, sau khi vợ chồng cãi nhau, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và ở luôn từ đó cho đến nay, không hỏi han hay tôn trọng nhà chồng. Nay chị A xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự tôn trọng nhau, nhưng anh chỉ nhất trí ly hôn nếu chị A để cho anh trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, nếu chị A không đồng ý, anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 04/7/2013 và Phạm Thị Linh N, sinh ngày 16/6/2016. Hiện cả hai con đang ở với anh T. Chị A xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh T không nhất trí, chị xin nuôi dưỡng con Phạm Thị Linh N để anh T nuôi con Phạm Thị Khánh L, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con, anh không nhất trí giao hai con hoặc giao cháu Phạm Thị Linh N cho chị A nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã H, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ và Cán bộ lao động thương binh xã hội xã H để xác minh tình trạng hôn nhân của anh T, chị A. Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2018, đại diện các ban ngành xã đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị A phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm và do anh T mải chơi bài bạc nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đầu tháng 10/2018 đến nay, vợ chồng ly thân. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân của anh T, chị A để giải quyết theo quy định.

Ông Phạm Văn V (bố đẻ anh T và bố chồng chị A) trình bày: Quá trình chung sống, anh T, chị A có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, bên cạnh đó anh T có chơi bời bài bạc, nóng tính hay chửi bậy nên mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị A tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay đã nhiều lần (03 lần), mỗi lần như vậy, anh T phải sang tìm chị A mới về, đến ngày 07/10/2018, vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay, chị A xin ly hôn, ông không có ý kiến gì, tùy vào anh chị ấy quyết định.

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M (bố mẹ đẻ chị A và là bố mẹ vợ anh T) xác định quá trình chung sống, vợ chồng chị A, anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T là người mải chơi, không tu chí làm ăn, hay rượu chè, cờ bạc về nhà chửi mắng, xúc phạm chị A, đã nhiều lần chị A bỏ về nhà ông bà ở, sau đó được sự động viên của gia đình, chị A lại về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ đầu tháng 10/2018, chị A về ở hẳn với ông bà đến nay. Là bậc cha mẹ, ai cũng mong muốn các con mình hạnh phúc, nhưng vợ chồng A- T đã mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị A để hai bên ổn định cuộc sống. Trường hợp Tòa án giao cho chị A nuôi một hay hai con chung, ông bà sẽ hỗ trợ chị A trong việc nuôi dưỡng con với những điều kiện tốt nhất.

Tại phiên toà, chị A, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T được nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 04/7/2013, giao cho chị Nguyễn Thị A được nuôi dưỡng con Phạm Thị Linh N, sinh ngày 16/6/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị A, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N ngày 07/01/2013 là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị A, anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ nhau. Theo chị A trình bày: Anh T là người chơi bời, nóng tính, gia trưởng, đã nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị và bố mẹ chị. Còn theo anh T trình bày: Chị A suy nghĩ không chín chắn, không làm chủ được bản thân, hay nghe lời bố mẹ đẻ, nhiều lần bỏ về nhà đẻ, không tôn trọng nhà chồng. Từ tháng 10/2018 đến nay, chị A đã về

nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và không còn sự tôn trọng nhau. Lời khai của chị A, anh T phù hợp với các tài liệu do Tòa án xác minh, phù hợp với lời khai của bố đẻ anh T và bố mẹ đẻ chị A. Toà án đã tiến hành hoà giải theo nguyện vọng của anh T để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị A vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn với điều kiện chị A phải giao hai con cho anh nuôi dưỡng. Thực tế từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân, tình cảm vợ chồng không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị A được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 04/7/2013 và Phạm Thị Linh N, sinh ngày 16/6/2016, các cháu hiện đang ở với anh T. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị A và anh T đều chính đáng. Tuy nhiên, để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đến ngày xét xử, cháu Phạm Thị Linh N chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Hiện chị A làm công nhân, có mức thu nhập trung bình gần 5 triệu đồng/tháng, bố mẹ chị A cam kết sẽ hỗ trợ chị A trong việc nuôi con, chị A không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh T cũng làm nghề tự do tại địa phương, nếu giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng sẽ rất vất vả, không được bằng mỗi người nuôi một con chung. Do cháu N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, vì vậy, HĐXX giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thị Linh N để anh T nuôi dưỡng con Phạm Thị Khánh L cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị A, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị A, anh T đều không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Thị Linh N, sinh ngày 16/6/2016, giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 04/7/2013 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị A và anh T về việc vợ, chồng không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0000694 ngày 23/10/2018

4. Về quyền kháng cáo: Chị A, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND thị trấn N;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân